

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Về việc mời cung cấp Báo giá hóa chất, sinh phẩm

Kính gửi: Quý đơn vị cung cấp hóa chất, sinh phẩm

Trung tâm Y tế quận Hải An có nhu cầu tìm nhà thầu có hóa chất, sinh phẩm để phục vụ công tác khám tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2024, vì vậy Trung tâm thông báo tới các đơn vị với các nội dung như sau:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế quận Hải An.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá
 - Bà Mai Thị Hoa Nhài - Trưởng phòng TCHC.
 - Chi tiết liên hệ: 0917920291.
- Địa điểm tiếp nhận báo giá:
 - Phòng Tổ chức Hành chính
 - Địa chỉ: Trung tâm Y tế quận Hải An - Lô K2, đường Trần Hoàn, TDP số 7, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá:
 - Từ ngày 04/11/2024 đến hết ngày 12/11/2024
 - (Báo giá nhận được sau thời điểm này sẽ không được xem xét)
- Danh mục hóa chất, sinh phẩm (Danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật theo phụ lục đính kèm)

Trung tâm Y tế quận Hải An gửi thông báo tới các đơn vị có chức năng, thẩm quyền cung cấp hóa chất, sinh phẩm quan tâm chào giá./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đăng tải Website của Trung tâm;
- Lưu: VT, TCKT.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
BSCKI. Nguyễn Văn Toàn

SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN HẢI AN



DANH MỤC HÓA CHẤT - SINH PHẨM KHÁM TUYỂN NGHĨA VỤ QUÂN SỰ NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số 46/TB-TTYT ngày 04/11/2024 của Trung tâm Y tế quận Hải An)

STT	Tên hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm	Đặc tính kỹ thuật	Hãng, nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Anti A	- Lọ dung dịch kháng thể đơn dòng A được pha loãng trong một bộ đệm phosphate có chứa natri clorua, EDTA và albumin bò, dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. - Hiệu giá kháng thể 1:512 - Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100% - Bảo quản ở 2-8°C - Đóng gói 10ml/Lọ - Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Voxtur/ Ấn Độ	10 ml/lọ	Lọ	03	
2	Anti AB	- Lọ dung dịch kháng thể đơn dòng AB được pha loãng trong một bộ đệm phosphate có chứa natri clorua, EDTA và albumin bò, dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. - Hiệu giá kháng thể 1:512 - Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100% - Bảo quản ở 2-8°C - Đóng gói 10ml/Lọ - Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Voxtur/ Ấn Độ	10 ml/lọ	Lọ	03	
3	Anti B	- Lọ dung dịch kháng thể đơn dòng B được pha loãng trong một bộ đệm phosphate có chứa natri clorua, EDTA và albumin bò, dùng để thử nghiệm ngưng kết hồng cầu xác định nhóm máu. - Hiệu giá kháng thể 1:512 - Độ nhạy và độ đặc hiệu: 100% - Bảo quản ở 2-8°C - Đóng gói 10ml/Lọ - Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Voxtur/ Ấn Độ	10 ml/lọ	Lọ	03	

STT	Tên hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm	Đặc tính kỹ thuật	Hãng, nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
4	Creatinine	A. Reagent A: 12.7 mmol/l picric acid 8.4 mmol/l sodium lauryl sulphate solution. B. Reagent B: 53 mmol/l borate 970 mmol/l sodium hydroxide solution. Độ nhạy: ≤ 4.5 mg/l Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp: 250ml (2x100ml + 2x25ml)	Wiener Laboratorios S.A.I.C/ Argentina	250 mL (2 x 100 mL + 2 x 25 mL)	Hộp	01	
5	ASPARTAT- AMINOTRANS FERASE (ASAT/GOT)	L-Aspartate 200 mmol/l NADH 0.18 mmol/l MDH ≥ 400 U/l LDH ≥ 600 U/l 2-Oxoglutarate 12 mmol/l Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp ≥ 200 mL (4 x 40 mL + 1 x 40 mL)	Wiener Laboratorios S.A.I.C/ Argentina	200 mL (4 x 40 mL + 1 x 40 mL)	Hộp	01	
6	ALANIN- AMINOTRANS FERASE (ALAT/GPT)	A. Reagent A: L-Alanine 500 mmol/l B. Reagent B: NADH 0.18 mmol/l LDH ≥ 1.5 U/l 2-Oxoglutarate 15 mmol/l Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp ≥ 200 mL (4 x 40 mL + 1 x 40 mL)	Wiener Laboratorios S.A.I.C/ Argentina	200 mL (4 x 40 mL + 1 x 40 mL)	Hộp	01	

STT	Tên hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm	Đặc tính kỹ thuật	Hãng, nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
7	Urea-UV	A. Reagent A: Good buffer 250 mmol/l 2-Oxoglutarate 7.5 mmol/l Urease (Jack bean) $\geq 5,000$ U/l GLDH (microbial) ≥ 800 U/l B. Reagent B: NADH 0.28 mmol/l Độ tái lập (Inter-assay precision): $CV \leq 2.36\%$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp: 500 ml (4x100ml + 4x25ml)	Wiener Laboratorios S.A.I.C/ Argentina	500 mL (4 x 100 mL + 4 x 25 mL)	Hộp	01	
8	Dung dịch pha loãng cho máy huyết học Sysmex	Công dụng: Dung dịch dùng để pha loãng sử dụng cho máy huyết học Bảo quản: ở 5 - 30 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Sodium Chlorride 6,38 g/L, Boric Acid 1 g/L, Sodium Tetraborate 0.2 g/L, EDTA-2K 0.2 g/L	Hãng chủ sở hữu: Sysmex Corporation; Nhật Bản/ Hãng sản xuất: Sysmex Asia Pacific Pte Ltd; Singapore/ Singapore	20L x 1	Thùng	01	
9	Dung dịch ly giải hồng cầu cho máy Sysmex	Công dụng: hóa chất ly giải hồng cầu, giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu Bảo quản: 2 - 35 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Organic quaternary ammonium salt 8,5g/L và sodium chloride 0.6g/L	Hãng chủ sở hữu: Sysmex Corporation; Nhật Bản Hãng sx: Sysmex Asia Pacific Pte Ltd; Singapore/ Singapore	500mL/ CHAI	Chai	01	
10	Dung dịch rửa cho máy huyết học Sysmex	Công dụng: Dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học, Bảo quản ở 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Sodium Hypochlorite (có chứa clo tỷ lệ 5,0%)	Hãng chủ sở hữu: Sysmex Corporation; Nhật Bản/ Hãng sx: Sysmex International Reagents Co., Ltd., Ono Factory; Nhật Bản	50mL x1	Chai	01	

11.11.2021

STT	Tên hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm	Đặc tính kỹ thuật	Hãng, nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
11	Glucose	GOD (microbial) ≥ 10 kU/l POD (horse-radish) ≥ 1 kU/l 4-AP 0.5 mmol Phosphate . 100 mmol, pH 7.0 Hydroxybenzoate 12 mmol Độ lặp lại (Intra-assay precision): $\leq 1.39\%$ Độ tái lặp (Inter-assay precision): $\leq 1.92\%$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hộp: 160ml (4x40ml)	Wiener Laboratorios S.A.I.C/ Argentina	160 mL (4 x 40 mL)	Hộp	1	
12	Que thử nước tiểu	Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leuk ^o Cyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin LeukoCyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL	Siemens- Ba Lan	Hộp 100 test	Hộp	03	

STT	Tên hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm	Đặc tính kỹ thuật	Hãng, nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
13	Bioline™ HBsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. - Độ nhạy: $\geq 98,4\%$ (Khoảng tin cậy 96.2 - 100%); Độ đặc hiệu: $\geq 99,6\%$ (Khoảng tin cậy 97.9 - 100%) - Thành phần: + Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs- keo vàng ($0.026 \pm 0.008 \mu\text{g}$), keo vàng - IgY gà ($0.032 \pm 0.009 \mu\text{g}$) - Thời gian trả kết quả: 20 phút - Thẻ tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 100 μL; Không cần sử dụng dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C - Không có phản ứng chéo với các mẫu HCV, HAV, CMV, EBV, Parvovirus, HIV, VZV, Syphilis, Rubella, HTLV và HSV. - Kít thử ổn định ít nhất 20 tuần khi để ở nhiệt độ 55°C - Ngưỡng phát hiện: 2 IU/ml - Đạt tiêu chuẩn: ISO	Abbott Diagnostics Korea Inc.	Hộp 30 test	Test	240	dự trừ 250

11/0/2021 - 2/0/21

STT	Tên hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm	Đặc tính kỹ thuật	Hãng, nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
14	Test nhanh phát hiện kháng thể HCV	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Được thiết kế để sử dụng trong quần thể có tỷ lệ nhiễm HCV cao hoặc những người có tiền sử phơi nhiễm/hành vi nhiễm HCV bao gồm cả phụ nữ mang thai. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.4% (so với xét nghiệm xác nhận sử dụng RT-PCR) - 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Protein A – chất keo vàng ($1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}$), vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NS5) ($1,5 \pm 0,3 \mu\text{g}$), vạch chứng: Globulin miễn dịch dê kháng người ($2,0 \pm 0,4 \mu\text{g}$) - Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: 10μl - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C - Không có phản ứng chéo với các mẫu Kháng thể HBs, CMV, HIV, Giang mai, xoắn khuẩn <i>Borrelia burgdorferi</i>, EBV, HTLV, Ký sinh trùng <i>Toxoplasma</i>, <i>Chlamydia</i>, HBsAg, Cúm, <i>Trypanosoma cruzi</i> I /II - Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ $55 \pm 1^\circ\text{C}$ - Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh HIV theo Chương trình Đảm bảo Chất lượng Chuỗi Cung ứng Y tế Toàn cầu (GHSC Eligible Diagnostic List) - Đạt tiêu chuẩn: ISO, WHO PQ	Abbott Diagnostics Korea Inc.	Hộp 30 test	Test	150	

H. N. C. 11

STT	Tên hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm	Đặc tính kỹ thuật	Hãng, nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
15	Xét nghiệm in vitro phát hiện kháng thể kháng HIV-1/HIV-2 ở người	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành vạch rõ ràng (3 vạch) và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: $\geq 99.75\%$. - 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Kháng nguyên HIV-1 gp41, p24, HIV-2 gp36 tái tổ hợp – chất keo vàng ($1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}$); Vạch thử 1: Kháng nguyên HIV -1 tái tổ hợp (gp41, p24) ($0,625 \pm 0,125 \mu\text{g}$); Vạch thử 2: Kháng nguyên HIV -2 tái tổ hợp (gp36) ($0,5 \pm 0,1 \mu\text{g}$); Vạch chứng: Huyết thanh dê có kháng thể HIV ($0,75 \pm 0,15 \mu\text{g}$). - Thời gian trả kết quả: 10 – 20 phút - Thẻ tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL - Không có phản ứng chéo với các mẫu thâm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai.	Abbott Diagnostics Medical Co., Ltd./ Nhật Bản	Hộp 100 test	Test	200	dự trừ 250
16	Test ma túy tổng hợp 4 chân	- Phát hiện định tính Amphetamine (AMP), Methamphetamine (MET), Morphine (MOP) và Marijuana (THC) trong nước tiểu người khi nồng độ và/ hoặc chất chuyển hoá của chúng vượt ngưỡng phát hiện tương ứng. - Ngưỡng phát hiện: + MOP: (cut-off) 300ng/ml + MET: (cut-off) 1000ng/ml + AMP: (cut-off) 1000ng/ml + THC: (cut-off) 50ng/ml - Độ nhạy tương quan 100%, độ đặc hiệu tương quan 100%, độ chính xác tương quan 100%. - Cho kết quả trong vòng 5 phút	Công ty TNHH Medicon/Việt Nam	25 test/ Hộp	Test	250	
Tổng cộng: 16 khoản							